TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-PT.
Ngày 08/02/2023.
V/v: "Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Hải Hường

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Thông

Ông Hà Văn Nâu

- Thư ký phiên toà: Ông Tôn Trọng Hưng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 08/02/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 28/2022/TLPT- HNGĐ ngày 04/10/2022 về việc: "Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn" do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 41/2022/HNGĐ-ST ngày 04/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện VY, tỉnh BG bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 39/2022/QĐ-PT ngày 01/11/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2022/QĐ-PT ngày 25/11/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2022/QĐ-PT ngày 21/12/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐ-PT ngày 11/01/2023 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Chị Vũ Thị K, sinh năm 1973 (Xin vắng mặt)

HKTT: Thôn Núi, xã Trung Sơn, huyện VY, tỉnh BG.

Nơi ở: Xóm 5, thôn Dĩnh Sơn, xã Trung Sơn, huyện VY, tỉnh BG.

**** Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1974 (Có mặt)

HKTT: Thôn Núi, xã Trung Sơn, huyện VY, tỉnh BG.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:***

1. Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Việt Yên (Vắng mặt)

Đại diện theo pháp luật: Bà Thân Thị L- Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Xã Hồng Thái, huyện VY, tỉnh BG.

2. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Việt Yên

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Anh H- Phó giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Việt Yên (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 462, đường Thân Nhân Trung, thị trấn Bích Động, huyện VY, tỉnh BG.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954 (Vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1983 (vắng mặt)

3. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Đều địa chỉ: Thôn Núi, xã Trung Sơn, huyện VY, tỉnh BG.

4. Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Bản Nà Han, xã Tân Thanh, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

5. Ủy ban nhân dân xã Trung Sơn, huyện VY, tỉnh BG

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Trung Sơn (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xã Trung Sơn, huyện VY, tỉnh BG.

6. Ủy ban nhân dân huyện VY, tỉnh BG

Đại diện theo ủy quyền: Bà Thân Thị L - Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Việt Yên (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đường Hồ Công Dự, thị trấn Bích Động, huyện VY, tỉnh BG.

*** Người kháng cáo:** Bị đơn anh Nguyễn Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn cùng các lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Vũ Thị K trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Sơn, huyện VY, tỉnh BG năm 1994. Ban đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc từ khi kết hôn đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C thường xuyên rượu chè, đánh đập vợ con, không chịu khó làm ăn. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không ai còn quan tâm tới ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1995, cháu Nguyễn Thị T, sinh năm 2000 và cháu Nguyễn Văn T2, sinh năm 2002. Hiện nay 03 con chung đã trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng có các tài sản chung gồm: 01 nhà 03 tầng xây dựng năm 2012, trị giá 350.000.000 đồng; 921m^2 đất trị giá 200.000.000 đồng trong đó có 561m^2 đất vườn, 360m^2 đất ở tại thửa số 05, tờ bản đồ số 01, địa chỉ thôn Núi, xã Trung Sơn, huyện VY, tỉnh BG đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02287QSDĐ/552/2000/QĐ-UB/H ngày 15/11/2000 mang tên hộ ông Nguyễn Văn C. Ngoài ra vợ chồng còn có 1 số tài sản khác chị không có yêu cầu gì. Chị đề nghị được nhận trích chia tài sản bằng tiền mặt.

Hiện trạng sử dụng đất có tăng hơn so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp là 371m^2 là do có một phần là phần đất phía dưới vườn được bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ anh C cho vợ chồng chị năm 2009) cho bằng miệng, diện tích cụ thể bao nhiêu thì chị không nắm được, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra, còn có một phần đất đồi phía trên là của nhà ông Nguyễn Văn Thu mà vợ chồng chị khi xây bờ tường phía sau đã xây lên diện tích đất nhà ông T, nếu bà H, ông T đòi thì chị trả còn nếu bà H, ông T chưa yêu cầu thì chị cũng không có ý kiến gì.

- Về công nợ chung: Vợ chồng chị nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Việt Yên 50.000.000 đồng tiền gốc và lãi; nợ Ngân hàng Nông nghiệp Phát triển nông thôn huyện Việt Yên còn 25.000.000 đồng tiền gốc và lãi. Đối với khoản nợ trên chị yêu cầu chia đôi, mỗi người trả một nửa. Chị yêu cầu được trừ cho chị số tiền 25.000.000 đồng tiền gốc chị đã trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Việt Yên khi vợ chồng sống ly thân, không yêu cầu tính số lãi. Ngoài ra vợ chồng không còn nợ ai và không cho ai nợ.

Chị xác định vợ chồng chị có các tài sản chung theo biên bản Hội đồng đã định giá gồm: Đất ở tại thửa số 05, tờ bản đồ số 01, địa chỉ tại thôn Núi, xã Trung Sơn, Việt Yên, Bắc Giang có giá 360m^2 x 6.000.000đ/m^2 = 2.100.000.000 đồng; Đất vườn 561m^2 x 3.000.000 đồng/m^2 = 1.683.000.000 đồng. Nhà ở trên đất xây dựng năm 2012 trị giá 436.100.000 đồng; 01 tum trị giá 23.520.000 đồng. Tổng giá trị tài sản 4.302.620.000 đồng. Ngoài ra vợ chồng còn một số tài sản chung là đồ dùng sinh hoạt gia đình nhưng chị không có yêu cầu đề nghị giải quyết.

Về ruộng canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn như chị K trình bầy. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị K xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con như chị K trình bầy là đúng. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, tự kiếm sống nuôi bản thân nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng có các tài sản chung gồm: 01 nhà 03 tầng, diện tích 80m^2/01 sàn xây dựng năm 2012 trị giá 100.000.000 đồng; 02

gian bếp trong đó có một gian xây năm 2010 còn 01 gian làm trước năm 2010 không còn giá trị; 02 giường gỗ trị giá khoảng 1.500.000 đồng; 01 ti vi trị giá khoảng 15.000.000 đồng; 01 tủ lạnh mua năm 2010 trị giá lúc mua 5.000.000 đồng; 01 ban thờ gỗ trị giá 17.000.000 đồng; 01 bộ bàn ghế trị giá 9.000.000 đồng; 01 két sắt trị giá 3.000.000 đồng; 01 con bò đã bán trị giá 15.000.000 đồng; 01 xe máy Wave mua năm 2018 trị giá 20.000.000 đồng và 01 xe Honda Vision trị giá 35.000.000 đồng. Anh đồng ý chia đôi tài sản trên. Ngoài ra vợ chồng không còn tài sản nào khác.

Đối với diện tích đất 921m^2 trong đó có 561m^2 đất vườn, 360m^2 đất ở tại thửa số 05, tờ bản đồ số 01, địa chỉ thôn Núi, xã Trung Sơn, huyện VY, tỉnh BG đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02287QSDĐ/552/2000/QĐ-UB/H ngày 15/11/2000 mang tên hộ ông Nguyễn Văn C là tài sản của riêng anh, có nguồn gốc do cha ông để lại cho anh nên anh không đồng ý chia cho chị K.

Đối với phần diện tích đất gia đình nhà anh đang sử dụng tăng lên (Theo bản trích đo hiện trạng ngày 20/4/2022 là 1.292m^2; theo bản trích đo đính chính là 1.298.8m^2) anh không có ý kiến gì. Anh nhất trí với phần trình bầy của mẹ anh.

Về công nợ chung: Anh xác định vợ chồng có khoản nợ chung như chị K trình bầy. Đề nghị chia đôi mỗi người ½.

Về ruộng canh tác: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:*

+ Đại diện Ngân hàng chính sách xã hội huyện Việt Yên trình bày: Chị K anh C hiện tại còn nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Việt Yên số tiền gốc là 50.000.000 đồng. Nay chị K anh C ly hôn, đề nghị anh chị trả Ngân hàng toàn bộ gốc 50.000.000 đồng và số tiền lãi tạm tính đến ngày 30/6/2022 là 8.806.028 đồng.

+ Đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Việt Yên trình bày: Chị K, anh C còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 25.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 2503-LAV-201901058 ngày 26/8/2019 tạm tính đến ngày 30/6/2022 là 32.597.879 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày 30/6/2022 theo Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị H trình bày: Đối với diện tích đất 921m^2 mang tên hộ ông Nguyễn Văn C có nguồn gốc của cha ông để lại. Trước thời điểm năm 1999 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chồng bà là ông Nguyễn Văn Chung, cấp năm nào bà không nhớ nhưng bà nhớ phần diện tích đất cấp cho anh C vẫn nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chồng bà được cấp. Còn lý do tại sao năm 2000, anh C lại được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà không biết. Tại thời điểm năm 2000 thì bà không ở cùng vợ chồng anh C, chị K mà bà ở riêng và có sổ hộ khẩu riêng. Nay chị K đề nghị chia tài sản trên bà không đồng ý.

Phần diện tích đất tăng lên phần cuối vườn là đất của bà hiện nay bà đã được công nhận quyền sử dụng đất. Nay bà yêu cầu anh C chị K trả lại bà phần diện tích đất này. Trường hợp anh C chị K thống nhất trả lại cho bà thì bà đề nghị để gia đình tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đại diện Ủy ban nhân dân xã Trung Sơn, huyện Việt Yên trình bày:* Về nguồn gốc thửa đất trên là do bố mẹ ông Ch là ông Nguyễn Văn Ch, bà Nguyễn Thị H cho vợ chồng ông Ch bà K. Đến năm 2000, được cấp Giấy chứng nhận lần đầu cho hộ ông Nguyễn Văn C. Về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định của pháp luật. Trước thời điểm năm 2000, thửa đất số 05, tờ bản đồ số 01, diện tích 921m^2 chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- *Đại diện Ủy ban nhân dân huyện Việt Yên trình bày:*

Ngày 15/11/2000, hộ ông Nguyễn Văn C được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 02287/QSD Đ/522/2000/QĐ-UB/H, thửa đất số 05, tờ bản đồ số 01, diện tích 921m^2 (đất ở 360m^2, đất vườn 561m^2). Về trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo theo đúng quy định. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước năm 2000, theo dữ liệu hồ sơ quản lý của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Việt Yên thì không xác định được thửa đất nêu trên được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn Chung.

Theo đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ông C kê khai và được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất năm 2000 mang tên hộ ông Nguyễn Văn C. Từ khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho đến nay, các thành viên trong hộ và bà H, ông Ch không có ý kiến gì về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Kiểm tra sổ hộ khẩu do Uỷ ban nhân dân xã cung cấp nhận thấy tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000 hộ ông Chính gồm có 04 nhân khẩu gồm ông Nguyễn Văn C, bà Vũ Thị K, chị Nguyễn Thị C và chị Nguyễn Thị T2. Do đó, có cơ sở để xác định các thành viên trong hộ ông Chính tại thời điểm năm 2000 có quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên.

Đối với diện tích đất ông C đang sử dụng tăng so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có một phần là đất của mẹ ông Ch là bà Nguyễn Thị H cho ông Chính sử dụng (nay vẫn thuộc thửa đất cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mẹ ông C) và một phần do ông Nguyễn Văn T cho ông C (cho không có giấy tờ, không có tranh chấp) đối với phần diện tích đất này nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Với nội dung nêu trên, Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 41/2022/HNGĐ-ST ngày 04/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện VY, tỉnh BG đã quyết định:

Căn cứ các Điều 33; Điều 38; Điều 55; Điều 57; Điều 59; Điều 60; Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1

Điều 39; khoản 5 Điều 147; Các Điều 157; 165; 227; 228; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12; Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; Xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị K và anh Nguyễn Văn C.

+ Về tài sản chung:

- Giao cho anh Nguyễn Văn C được quản lý, sử dụng tổng diện tích 735m^2 tại thửa số 05, tờ bản đồ số 01, địa chỉ thôn Núi, xã Trung Sơn, huyện VY, tỉnh BG (có ký hiệu là C-A-B-D) trong đó đất ở là 210m^2 trị giá 1.260.000.000 đồng, đất vườn 525m^2 trị giá 1.575.000.000 đồng. Trên đất có 01 nhà cấp 3 loại 2, 2 tầng 01 tum trị giá 459.620.000 đồng; 01 nhà lợp tôn (không yêu cầu chia); 01 chuồng gà (không yêu cầu chia); 01 gian bếp (không yêu cầu chia) và sân bê tông + nền đất (không yêu cầu chia). Tổng giá trị tài sản giao cho anh C quản lý, sử dụng là 3.294.620.000 đồng (Ba tỷ hai trăm chín mươi tư triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

(Có sơ đồ thửa đất kèm theo)

- Giao cho chị Vũ Thị K được quản lý, sử dụng tổng diện tích 186m^2 tại thửa số 05, tờ bản đồ số 01, địa chỉ thôn Núi, xã Trung Sơn, huyện VY, tỉnh BG (có ký hiệu là E-C-D-F) trong đó có 150m^2 đất ở trị giá 900.000.000 đồng và 36m^2 đất vườn trị giá 108.000.000 đồng; 01 nhà vệ sinh (không yêu cầu chia); 01 phần chuồng lợn không còn giá trị sử dụng (không yêu cầu chia). Tổng giá trị tài sản giao cho chị K quản lý, sử dụng là 1.008.000.000 đồng.

(Có sơ đồ thửa đất kèm theo)

Anh C còn phải trích chia số tiền chênh lệch giá trị tài sản cho chị K là 759.010.000 đồng (Bảy trăm năm mươi chín triệu không trăm mười nghìn đồng).

+ Về nghĩa vụ chung về tài sản:

- Buộc anh Nguyễn Văn C có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Việt Yên số tiền gốc 50.000.000 đồng và số tiền lãi tạm tính đến ngày 30/6/2022 là 8.806.028 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 58.806.028 đồng. Anh C còn tiếp tục phải chịu lãi phát sinh kể từ ngày 01/7/2022 đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận theo sổ vay vốn mã số 13000121645, số khế ước vay tiền 6600000716302692 ngày 12/10/2019 tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc.

- Buộc chị Vũ Thị K có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Việt Yên số tiền gốc là 25.000.000 đồng, số tiền lãi tính đến ngày 30/6/2022 là 7.597.879 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 32.597.879 đồng. Chị K còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 01/7/2022 đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín

dụng số 2503-LAV-201901058 ngày 26/8/2019 tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

* Ngày 19/7/2022 bị đơn là anh Nguyễn Văn C có đơn kháng cáo về phần chia tài sản là thửa đất số 05, tờ bản đồ số 01 đia chỉ thôn Núi, xã Trung Sơn, huyện VY, tỉnh BG là thửa đất của riêng anh, không đồng ý chia cho chị K.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bầy tại phiên tòa: Nguồn gốc đất là của bố mẹ anh cho riêng anh, anh không đồng ý chia đất cho chị K còn các tài sản khác anh không có ý kiến gì. Tại phiên tòa anh không cung cấp được tài liệu gì khác ngoài tài liệu tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập và anh đã cung cấp cho Tòa án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của anh C. Căn cứ khoản 1 Điều 308; giữ nguyên án sơ thẩm số 41/2022/HNGĐ-ST ngày 04/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện VY, tỉnh BG

- Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí cho anh C

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về sự vắng mặt của một số người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng là bị đơn chị K có đơn xin xét xử vắng mặt, 1 số người có quyền lợi nghĩa vụ liên đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. HĐXX căn cứ quy định tại Điều 227 - Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt.

[2]. Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 41/2022/HNGĐ-ST ngày 04/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện VY, tỉnh BG đã giải quyết về quan hệ hôn nhân. Nội dung này các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3]. Xét nội dung kháng cáo của anh Nguyễn Văn C, HĐXX thấy:

Diện tích đất 921m^2 (trong đó có 561m^2 đất vườn, 360m^2 đất ở) tại thửa số 05, tờ bản đồ số 01, địa chỉ thôn Núi, xã Trung Sơn, huyện VY, tỉnh BG đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02287QSDĐ/552/2000/QĐ-UB/H ngày 15/11/2000 mang tên hộ ông Nguyễn Văn C. Anh, chị đều xác định có nguồn gốc do bố mẹ anh C để lại. Năm 2000 anh, chị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu mang tên hộ gia đình. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận hộ gia đình anh C gồm có: Anh Nguyễn Văn C, chị Vũ Thị K và hai con Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị T (chị T và chị C còn nhỏ). Theo lời trình bầy của các đương sự xác định ông Nguyễn Văn Chung và bà Nguyễn Thị H (là bố mẹ đẻ anh C) có sử dụng diện tích đất này tuy nhiên, qua kiểm tra các tài liệu có trong hồ sơ không có tài liệu nào thể hiện ông Ch, bà H có quyền sử dụng gì đối với thửa đất nêu trên và cũng không có tài liệu gì thể hiện việc ông Ch, bà H cho anh C đất.

Việc anh C kháng cáo cho rằng thửa đất trên là do bố mẹ anh cho riêng anh, là tài sản của riêng anh. Hội đồng xét xử thấy: Chị K, anh C kết hôn năm 1994. Anh C kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, trong đơn xin đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện chủ sử dụng đất là anh C, vợ chủ hộ là chị Vũ Thị K. Năm 2000 được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Văn C. Anh xác định chữ viết trong đơn là chữ ký và chữ viết của anh. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm xác định tài sản là quyền sử dụng đất nêu trên của vợ chồng anh chị xác định nguồn gốc là của bố mẹ đẻ anh C nên chia cho anh C 60%, chia cho chị K 40% giá trị tài sản là đảm bảo quyền lợi cho cả anh và chị. Tại phiên tòa phúc thẩm anh không xuất trình được tài liệu gì chứng minh cho lời trình bầy của mình là có căn cứ. Do vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ xem xét chấp nhận kháng cáo của anh.

[4]. Từ những nội dung trên, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 308 - BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn C, giữ nguyên bản án sơ thẩm về việc chia tài sản chung tại bản án số 41/2022/HNGĐ-ST ngày 04/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện VY, tỉnh BG.

[5]. Về án phí: Kháng cáo của anh C không được chấp nhận nên anh C phải chịu 300.000đồng án phí phúc thẩm. Do anh C thuộc diện hộ nghèo nên miễn án phí cho anh C theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[6]. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 - Bộ luật Tố tụng dân sự. Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 41/2022/HNGĐ-ST ngày 04/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện VY, tỉnh BG về phần chia tài sản chung.

2. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí cho anh Nguyễn Văn C.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- Cổng thông tin điện tử ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Hải Hường